

Bản án số: 93/2026/HS-PT

Ngày: 03/6/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Chung

Các thẩm phán: Bà Ngô Thị Thanh Hảo và bà Nguyễn Thị Minh Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện VKSND tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Thân Thanh H - Kiểm sát viên.

Ngày **03/6/2026** tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 72/2026/TLPT-HS ngày 03/3/2026 đối với bị cáo Lương Văn B, do có kháng cáo của bị cáo Lương Văn B đối với bản án hình sự sơ thẩm số 258/2025/HSST ngày 08/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Bắc Ninh, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/2026/QĐXXPT-HS ngày 08/4/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2026/HSPT - QĐ ngày 23 tháng 4 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2026/HSPT - QĐ ngày 14 tháng 5 năm 2026.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Lương Văn B**, sinh năm 1985, tên gọi khác: Không

Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường Đ, tỉnh Bắc Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Học vấn: 09/12; con ông Lương Văn H1, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm 1963; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là thứ hai; Vợ: Hoàng Thị T, sinh năm 1985; Con: Có 03 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 257/2011/HS-ST ngày 10/11/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang xử phạt 04 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Đánh bạc”; đã được xoá án tích; Bản án hình sự phúc thẩm số 170/2021/HS-PT ngày 24/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xử phạt 07 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng về tội “Đánh bạc”; đã được xoá án tích.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/8/2024 đến ngày 19/3/2025 được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh, hiện tại ngoại. (Có mặt)

* **Người bào chữa cho bị cáo Lương Văn B:** Ông Phạm Tiến Q, Luật sư Công ty L3, Đoàn Luật sư tỉnh B. (có mặt)

Địa chỉ: Số F, đường N, phường K, tỉnh Bắc Ninh.

- **Bị hại:** Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Nơi thường trú: Khu Xóm Cầu, xã Bình Phú, tỉnh Phú Thọ

Chỗ ở: Số nhà 18, dãy LK25, khu đô thị V, xã S, Thành phố Hà Nội.

- **Người làm chứng:**

1. Lục Viết T1, sinh năm 1994 (có mặt)

Nơi thường trú: Bản T, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh;

2. Phạm Văn D1, sinh năm 1982 (có mặt)

Nơi thường trú: Thôn V, xã K, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: G, Chung cư E, tổ dân phố Y, phường N, tỉnh Bắc Ninh;

3. Đặng Lai Q1, sinh năm 1984 (có mặt)

Nơi thường trú: Thôn T, xã T, tỉnh Bắc Ninh;

4. Chị Dương Thủy T2, sinh năm 2001 (vắng mặt)

Nơi thường trú: Tổ dân phố N, phường B, tỉnh Bắc Ninh

Nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường T, tỉnh Bắc Ninh

5. Anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Số B, đường G, phường B, tỉnh Bắc Ninh

6. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Số nhà B, đường N, tổ I, khu H, phường N, tỉnh Phú Thọ.

* **Người tham gia tố tụng khác:**

1. Ông Hà Trọng H2, Phó trưởng Công an phường Đ, tỉnh Bắc Ninh (vắng mặt)

2. Ông Lý Xuân T4, Điều tra viên Cơ quan Cảnh sát Điều tra, Công an tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1993, trú tại khu X, xã B, tỉnh Phú Thọ là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đ, địa chỉ tại phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (nay là phường N, tỉnh Phú Thọ). Thông qua bị cáo Phạm Văn D1 nên anh L quen biết bị cáo Lương Văn B. Ngày 02/12/2023, anh L và B ký hợp đồng kinh tế để B làm Đại lý độc quyền phân phối sơn D3 tại địa bàn tỉnh Bắc Giang trong 03 năm. Công ty bàn giao cho B 01 bộ máy pha màu sơn trị giá 140.000.000 đồng và số lượng thùng sơn trị giá 130.000.000 đồng. B đã thanh toán cho công ty 100.000.000 đồng. Sau ngày khai trương, B có khách đặt 01 đơn hàng nên liên lạc với công ty để chuyển sơn thì công ty yêu cầu chuyển tiền trước. Bền không đồng ý chuyển tiền và thông báo sẽ không làm đại lý phân phối sơn cho công ty N. Đồng

thời, B đề nghị anh L đến lấy máy móc, số thùng sơn đã gửi trước đó và trả lại cho B số tiền 100.000.000 đồng nhưng anh L chưa gặp để giải quyết. Sau đó, B có bảo với D1 khi nào gặp anh L thì thông báo cho B biết để gặp anh L giải quyết. D1 cho rằng anh L còn nợ D1 79.000.000 đồng tiền mua vật liệu xây dựng cho công trình xây dựng ở xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (nay là phường T, tỉnh Bắc Ninh) nên đồng ý.

Khoảng cuối năm 2023, Lục Viết T1 là nhân viên công ty cổ phần B1 có bán bê tông tươi cho anh L để xây dựng công trình. Anh L2 còn nợ T1 64.000.000 đồng. Ngoài ra, Đặng Lai Q1 có bán vật liệu xây dựng và anh L2 còn nợ Quyền 9.200.000 đồng. T1 và Q1 đòi tiền nhiều lần nhưng anh L2 chưa trả. T1 biết chị Dương Thúy T2 làm nghề môi giới, kinh doanh bất động sản và có quen biết với anh L2 nên đã nhờ khi nào gặp anh L2 thì thông báo cho T1 biết để gặp nói chuyện về số tiền còn nợ. Ngày 27/4/2024, chị T2 gọi điện thoại thông báo cho T1 biết việc ngày hôm sau anh L2 sẽ về thành phố B và hẹn gặp chị T2 đi uống nước. T1 bảo chị T2 gặp anh L2 tại quán nước nào thì thông báo cho T1 biết. Sau đó, T1 gọi điện thoại cho D1 rủ đến gặp anh L2 để đòi tiền nợ.

Khoảng 10 giờ ngày 28/4/2024, anh L2 điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Accent, biển kiểm soát 19A-388.06, anh L2 mượn chiếc xe này của chị Nguyễn Thị L1, sinh năm 1968, trú tại khu H, phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ (nay là phường N, tỉnh Phú Thọ), đăng ký xe mang tên chị L1 đi đến gặp chị T2 tại quán C1 ở số B đường H, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh (nay là phường B, tỉnh Bắc Ninh), sau đó chị T2 thông báo cho T1 biết. T1 đi xe ô tô đến quán rồi đi đến bàn của anh L2 thì chị T2 đứng dậy đi về trước để hai người ngồi nói chuyện riêng với nhau. T1 gọi điện thoại bảo D1 đến quán. D1 gọi điện thoại thông báo cho B và Q1 bảo đến quán C1 để đòi tiền anh L2 còn nợ.

Một lúc sau, B đến quán C1. Bên đi đến bàn mà anh L2 và T1 đang ngồi và có những lời nói to tiếng đe dọa anh L2: *“Giờ thế nào, tóm lại là giờ thích thế nào, tao hỏi mày thích thế nào thôi, tao hỏi đúng câu thôi”* thì T1 can ngăn và khuyên can bình tĩnh. Bên tiếp tục nói: *“Tóm lại mày thích thế nào tao hỏi lại một câu thôi. Tóm lại mày thích thế nào, không nói nhiều, thích tao cho mày làm luôn. Còn nhớ ở đây tất cả chuyển tiền nong đâu vào đấy hết vẫn còn nguyên giao dịch luôn”*. Anh L2 trả lời: *“Đây anh em làm việc nó đàng hoàng, hàng hóa máy móc chuyển về đầy đủ”*. Bên tiếp tục nói: *“Bây giờ tóm lại hàng hóa tao vẫn nguyên mẹ mày tao chưa dùng gì cả. Hôm nay tao đấu với mày luôn để xem mày gọi ai thì mày gọi, nay gọi ai thì gọi luôn đi cũng được. Mẹ mày mang cái máy cũ về cho tao xong bây giờ mày quay lại làm trò với tao à...”*.

Khoảng 15 phút sau, D1 và Q1 cùng đi đến quán và vào ngồi cùng bàn với anh L2, B, T1. 04 người ngồi nói chuyện với anh L2 và yêu cầu trả số tiền còn nợ. Trong đó, B yêu cầu trả 100.000.000 đồng, D1 yêu cầu trả 79.000.000 đồng, T1 yêu cầu trả 64.000.000 đồng và Q1 yêu cầu trả 9.200.000 đồng. Anh L2 nói chưa

có tiền trả thì tất cả cùng thống nhất yêu cầu anh L2 viết “Biên bản cam kết” nhận nợ tổng số tiền 252.200.000 đồng của 04 người như nêu trên. B nói với anh L2: *“Tôi liên hệ ông không nghe, bảo ông về làm việc ông không về, phải nhờ người gọi ông về. Giờ để ông đi về mà không để lại tài sản thì không được”*. Sau đó, B, T1, D1, Q1 đều thống nhất yêu cầu anh L2 phải để lại xe ô tô làm tin. Anh L2 sợ nếu không viết sẽ bị đánh nên lấy giấy tờ xe ô tô ra. Mọi người xem thấy đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị L1 nên T1 yêu cầu anh L2 viết cam kết là xe của anh L2. Vì vậy, anh L2 đã phải viết “Biên bản cam kết” với nội dung cam kết chiếc xe ô tô Hyundai Accent biển kiểm soát 19A-388.06 là thuộc quyền sở hữu của anh L2 và để lại chiếc xe làm tin tương ứng với giá trị để thanh toán công nợ là 252.200.000 đồng (ghi cụ thể tiền nợ của 04 người trên bản cam kết này), hẹn đến ngày 03/5/2024 thanh toán. T1 đọc cho anh L2 viết nội dung biên bản, mọi người bảo anh L2 viết số tiền nợ vào bản cam kết. Trong lúc anh L2 viết cam kết thì B đưa cho Q1 chiếc điện thoại Iphone 12 Promax của B để quay video ghi lại hình ảnh sự việc. Sau khi anh L2 viết xong thì mọi người thống nhất đưa cho B giữ vì B có số tiền nợ nhiều nhất.

Khoảng gần 12 giờ cùng ngày, B gọi điện thoại cho anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1977 chủ Salon ô tô 98 ở số B đường G, phường B, tỉnh Bắc Ninh nhờ đến quán C1 định giá chiếc xe ô tô của anh L2. Một lúc sau, anh T3 đến quán rồi tất cả cùng nhau ra kiểm tra xe ô tô biển kiểm soát 19A-388.06. Do giấy tờ xe không chính chủ nên anh T3 định giá chiếc xe ô tô của anh L2 là 360.000.000 đồng. Kiểm tra xe xong, mọi người đi vào bên trong quán cà phê còn anh T3 ra về. Sau đó, B bảo tất cả đi đến Salon ô tô 98 của T3 để anh L2 viết giấy bán xe ô tô thì mọi người đồng ý. Bền yêu cầu anh L2 đưa chìa khóa xe ô tô để B lái xe chở anh L2 cùng D1, Quyền đến Salon ô tô 98 còn T1 đi xe ô tô của T1. Tại đây, B lấy 01 tờ “Giấy bán xe ô tô” theo mẫu được in sẵn đưa cho anh L2 yêu cầu viết nội dung: Anh L2 bán cho B chiếc xe ô tô Hyundai Accent, biển kiểm soát 19A-388.06 với giá 360.000.000 đồng. B đã trả trước 252.200.000 đồng; số tiền còn lại là 108.000.000 đồng, hẹn đến ngày 03/5/2024 sẽ thanh toán nốt cho anh L2, nếu B không thanh toán thì anh L2 trả lại B số tiền 252.200.000 đồng và B sẽ trả lại chiếc xe ô tô. Anh L2 buộc phải viết giấy bán xe theo yêu cầu của B rồi ký vào mục người bán xe còn B ký vào mục người mua xe, anh T3 ký vào mục người làm chứng. Bền giữ bản gốc giấy bán xe còn anh L2 giữ bản in bằng giấy than. Trong lúc anh L2 viết giấy bán xe ô tô thì T1, D1, Quyền có mặt chứng kiến. T1 còn yêu cầu anh Linh viết thêm một “Giấy hẹn thanh toán” số tiền nợ 64.600.000 đồng để T1 giữ.

Sau khi anh L2 viết giấy bán xe xong định gọi xe taxi đi về thì B bảo anh L2 lên xe ô tô để B chở ra chỗ bắt xe taxi. Bền điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 19A-388.06 chở anh L2 đến trụ sở Ủy ban nhân dân xã T. D1 đi xe mô tô theo sau. Bền, anh L2 và D1 đi vào phòng làm việc của ông Hà Trọng H2 là Trưởng Công an xã T. Bền nói với ông H2 về việc anh L2 nợ tiền nhưng không trả nên B giữ xe ô tô

của anh L2. Ông H2 bảo anh L2 và D1 đi ra ngoài rồi nói với B: “Em làm thế không được, đúng sai sẽ có pháp luật giải quyết, nếu làm thế có thể vi phạm pháp luật đấy. Có gì em phải lên Công an phường hoặc Công an thành phố trình báo”. Sau đó, ông H2 bảo B ra ngoài chờ và gọi anh L2 vào trong phòng và được anh L2 kể lại sự việc. Ông H2 gọi B vào phòng và yêu cầu hai bên tự giải quyết, không được gây mất an ninh trật tự rồi bảo mọi người đi về. Sau đó, B điều khiển xe ô tô của anh L2 đi về nhà và sử dụng chiếc xe trên làm phương tiện đi lại.

Cùng ngày 28/4/2024, anh L2 đến Công an thành phố B trình báo và giao nộp: 01 “Giấy bán xe ô tô” đề ngày 28/4/2024 (bản in giấy than), bản photo căn cước công dân của Lương Văn B, Phạm Văn D1, 01 Hợp đồng kinh tế giữa anh L2 và Lương Văn B, 01 đĩa DVD-R bên trong có các file video ghi lại hình ảnh tại quán cà phê U2 Coffee thời điểm xảy ra sự việc.

Ngày 01/5/2024, anh Nguyễn Văn T3 giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 đĩa DVD-R bên trong có 07 file video ghi lại hình ảnh tại gara ô tô của anh T3 thời điểm xảy ra sự việc.

Đối với Lục Viết T1 sau đó liên hệ với B và nói trong số 64.000.000 đồng mà anh L2 nhận nợ thì T1 chỉ cần thu về 50.000.000 đồng. Số tiền 14.000.000 đồng còn lại T1 không lấy nhưng khi nào anh L2 thanh toán tiền và lấy xe ô tô thì T1 vẫn sẽ đứng ra để giải quyết. B đồng ý và trả trước 50.000.000 đồng. Ngày 09/7/2024, B và T1 gặp nhau và lập “Biên bản nhận tiền” có nội dung B trả cho T1 64.000.000 đồng theo “Biên bản cam kết” nhận nợ của anh L2. Sau đó, B chuyển khoản cho T1 50.000.000 đồng.

Ngày 22/8/2024, Công an thành phố B triệu tập Lương Văn B để làm việc thì Bên đầu thú và giao nộp chiếc xe ô tô Hyundai Accent, biển kiểm soát 19A-388.06 và 01 điện thoại Iphone 12 Promax. Ngoài ra, B giao nộp 01 file video có thời lượng 05 phút 53 giây là đoạn video mà Quyền sử dụng điện thoại của B quay lại sự việc tại quán C1.

Cơ quan điều tra khám xét khẩn cấp chỗ ở của Lương Văn B thu giữ 01 túi nhựa màu đỏ, bên ngoài ghi “BẢO MINH PHÚ THỌ” bên trong có:

- + 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 19007229 mang tên Nguyễn Thị L1, 01 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; 01 Giấy xác nhận thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận kiểm định và tem kiểm định của xe ô tô BKS 19A-388.06.

- + 01 bản photo căn cước công dân số 001168038176 mang tên Nguyễn Thị L1, sinh năm 1968, ở phường N, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.

- + 01 bản gốc “Giấy bán xe ô tô” đề ngày 28/4/2024; 01 bản gốc “Biên bản cam kết”; 01 bản gốc “Biên bản nhận tiền” đề ngày 09/7/2024.

Cơ quan điều tra tạm giữ của Lục Viết T1 01 điện thoại di động S Fold3 5G; tạm giữ của Phạm Văn D1 01 điện thoại di động Samsung; tạm giữ của Đặng Lai Q1 01 điện thoại di động Vivo. Kiểm tra điện thoại của T1, Quyền phát hiện có tin

nhắn zalo giữa T1, Q1 với anh L2 liên quan đến việc nợ tiền giữa các bên.

Quá trình điều tra, Lục Viêt T1 giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 bản gốc “Biên bản nhận tiền” đề ngày 09/7/2024; 01 bản gốc “Giấy hẹn thanh toán” ngày 28/4/2024 giữa anh L2 và T1; 01 phiếu thu lập ngày 01/7/2024 do Công ty B1 cấp cho người nộp tiền là Anh Linh Vina D2 số tiền 62.600.000 đồng, người nộp tiền là Lục Viêt T1; 50.000.000 đồng là số tiền B thanh toán cho T1; 06 phiếu giao bê tông của Công ty B1 cho Nguyễn Văn L và Phạm Văn D1.

Kết luận định giá tài sản số 198/KL-HĐ ngày 16/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: “01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Accent, màu sơn trắng, biển kiểm soát 19A-388.06, sản xuất năm 2021, đã qua sử dụng tại thời điểm ngày 28/4/2024 có trị giá 400.000.000 đồng.”

Cơ quan điều tra trung cầu giám định chữ viết, chữ ký trên 02 “Giấy bán xe ô tô” lập ngày 28/4/2024; 01 “Biên bản cam kết”; 01 “Giấy hẹn thanh toán” lập ngày 28/4/2024 và 02 “Biên bản nhận tiền” lập ngày 09/7/2024.

Kết luận giám định số 2422/KL-KTHS ngày 14/11/2024 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận:

1. Chữ ký, chữ viết trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, A2, A3 - trừ chữ ký, chữ viết dưới các mục “Người mua xe”, “Người làm chứng” trên các tài liệu A1, A2); chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Văn L dưới mục “Đại diện bên A” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A4) so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Văn L trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M1, M2, M3) là do cùng một người ký, viết ra.

2. Chữ ký, chữ viết mang tên Lương Văn B dưới các mục “Người mua xe”, “Người đại diện” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, A2, A5, A6) so với chữ ký, chữ viết của Lương Văn B trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M4 đến M9) là do cùng một người ký, viết ra.

3. Chữ ký, chữ viết trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A4 - trừ chữ ký, chữ viết dưới mục “Đại diện bên A”); chữ ký, chữ viết mang tên Lục Viêt T1 dưới mục “Người nhận tiền” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A5, A6) so với chữ ký, chữ viết của Lục Viêt T1 trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M10, M11, M12) là do cùng một người ký, viết ra.

Cơ quan điều tra trung cầu giám định các file video do anh Nguyễn Văn L giao nộp. Kết luận giám định số 1818/KL-KTHS ngày 21/8/2024 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận: “1. Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong 08 (tám) file video lưu trữ trong đĩa DVD-R gửi giám định. 2. Trích xuất được 16 hình ảnh có liên quan đến vụ việc có trong các file video gửi giám định”.

Cơ quan điều tra trung cầu giám định các file video do anh Nguyễn Văn T3 và Lương Văn B giao nộp. Kết luận giám định số 2393/KL-KTHS ngày 12/11/2024 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận: “1. Không phát hiện dấu vết cắt

ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong 10 (mười) file video lưu trữ trong 02 (hai) đĩa DVD-R gửi giám định. 2. Trích xuất được 28 hình ảnh có liên quan đến vụ việc có trong các file video gửi giám định”.

Cơ quan điều tra cho B, T1, D1, Quyền quan sát bản ảnh giám định, các bị cáo xác định được hình ảnh của mình và những người khác tại thời điểm xảy ra sự việc như đã khai.

Quá trình điều tra, ban đầu Lương Văn B thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội sau đó thay đổi lời khai và cho rằng việc anh L viết biên bản cam kết và giấy bán xe ô tô là tự nguyện. Các bị cáo T1, D1, Quyền thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Kết quả điều tra xác định B có hành vi cưỡng đoạt của anh L chiếc xe ô tô biển kiểm soát 19A-388.06 trị giá 400.000.000 đồng. Các bị cáo T1, D1, Q1 đồng phạm với vai trò giúp sức.

Cơ quan điều tra trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của Lương Văn B trên 01 Biên bản ghi lời khai đề ngày 24/8/2024 và 01 Biên bản hỏi cung bị can đề ngày 29/8/2024. Kết luận giám định số 2704/KL-KTHS ngày 03/10/2025 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận:

Chữ ký, chữ viết mang tên Lương Văn B trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, A2); chữ viết có nội dung “Tôi đã đọc lại lời khai nội dung là đúng” dưới mục “Người khai” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A1); chữ viết có nội dung “Tôi đã đọc nội dung là đúng” bên trái mục “Bị can” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A2) so với chữ ký, chữ viết của Lương Văn B trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M6) *là do cùng một người ký, viết ra.*

Tại Bản cáo trạng số 03/CT-VKS ngày 07 tháng 10 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Bắc Ninh truy tố các bị cáo Lương Văn Bền, Lục Viết Thắng, Đặng Lai Q1, Phạm Văn D1 về tội “Cưỡng đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 170 Bộ luật Hình sự.

Với nội dung trên bản án hình sự sơ thẩm số 258/2025/HSST ngày 08/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - tỉnh Bắc Ninh đã xét xử và quyết định:

1. Về hình phạt:

1.1. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 170, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Lương Văn B** 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ đi thời hạn đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/8/2024 đến ngày 19/3/2025. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

1.2. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Lục Viết T1** 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 08/12/2025), giao bị cáo cho

Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Bắc Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

1.3. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Phạm Văn D1** 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 08/12/2025), giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường N, tỉnh Bắc Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

1.4. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Đặng Lai Q1** 03 (ba) năm tù cho hưởng án treo về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 08/12/2025), giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Bắc Ninh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo (Lục Viết T1, Phạm Văn D1, Đặng Lai Q1) thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo (Lục Viết T1, Phạm Văn D1, Đặng Lai Q1) cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi cấp sơ thẩm xét xử xong, ngày 11/12/2025, bị cáo Lương Văn B có đơn kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo Lương Văn B thừa nhận diễn biến sự việc xảy ra ngày 28/4/2024. Các lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như bản án sơ thẩm nêu về diễn biến hành vi và lời nói của bị cáo là chính xác. Do nhận thức của bị cáo còn hạn chế nên mới xử sự như vậy. Nếu bị cáo nhận thức được thì bị cáo sẽ không làm như vậy. Bị cáo nghĩ là do anh L có việc trốn tránh bị cáo nhiều lần không liên lạc được nên khi gặp anh L bị cáo đã bức xúc và có lời nói như vậy. Theo nhận thức của bị cáo là bị cáo không có tội.

Người làm chứng anh Đặng Lai Q1, Lục Viết T1, Phạm Văn D1 trình bày lời khai của các anh tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn chính xác và thừa nhận anh L không tự đề xuất viết giấy bán xe cũng như cam kết nhận nợ mà do sợ các bị cáo đánh nên phải viết bản cam kết **nhận nợ** và để lại xe để làm tin theo yêu cầu của T1, B; phải viết giấy bán xe theo yêu cầu của B.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Ninh thực hành quyền công tố tại phiên toà, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đưa ra đề nghị xem xét các vấn đề kháng cáo mà bị cáo nêu ra đã kết luận và đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm của bị cáo Lương Văn B;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 BLTTHS, sửa bản án sơ thẩm về điều luật áp dụng và mức hình phạt.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Lương Văn B** từ 06 (sáu) năm đến 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ đi thời hạn đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/8/2024 đến ngày 19/3/2025.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

* Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày bào chữa: Luật sư đề nghị HĐXX phúc thẩm tuyên bị cáo vô tội, bởi lẽ: Bản chất vụ việc là tranh chấp dân sự, bị hại có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của bị cáo thông qua hợp đồng kinh tế. Mục đích của bị cáo là thu hồi tài sản của mình chứ không phải chiếm đoạt tài sản của bị hại; Có sự tự nguyện của bị hại trong việc đề nghị để lại chiếc xe để trả nợ; Việc viết giấy bán xe và cam kết của bị hại là hoàn toàn tự nguyện; Tại quán cà phê là nơi công cộng, B chỉ có hành vi thể hiện sự bức xúc của chủ nợ; Hành vi trình báo công an ngay lập tức thể hiện bị cáo không có mục đích chiếm đoạt. Cấp sơ thẩm có sự vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, có dấu hiệu làm sai lệch hồ sơ vụ án (BL 49; 130); Việc xử lý vật chứng không đúng quy định, chiếc xe đang được xem xét là tang vật vụ án thì việc tiếp nhận kiểm tra phải theo quy định của BLTTHS nhưng không có biên bản tạm giữ, quy trình tạm giữ tang vật gây thiệt hại cho Lương Văn B. Việc ông Lương Văn B bị quy kết tội “cưỡng đoạt tài sản” là không đúng, đề nghị HĐXX hủy bản án sơ thẩm, đình chỉ giải quyết đối với ông B, Trong trường hợp chưa đủ căn cứ để tuyên ông B vô tội đề nghị HĐXX hủy bản án đề điều tra bổ sung lại vụ án.

* Bị cáo nhất trí với bài bào chữa của Luật sư và không có ý kiến trình bày gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp: Mặc dù xuất phát từ hợp đồng kinh tế tuy nhiên các bị cáo không nhờ pháp luật can thiệp mà lại tự xử lý. Nếu anh L tự nguyện viết giấy tờ trên thì không có việc anh L ngay sau đó đã đến trình báo cơ quan công an. Không có căn cứ tuyên vô tội đối với bị cáo Lương Văn B. Về ý kiến cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng thì trên cơ sở các tài liệu thu thập được trong hồ sơ thì xác định người tên Trần Minh C là có thật. Đối với ý kiến cho rằng không xem xét việc B đến Công an xã T trình báo sự việc, theo lời khai của ông H2, khi gặp ông thì cả B và anh L không đặt vấn đề trình báo

gì. Về việc tiếp nhận xe ô tô Bên giao nộp không kiểm đếm, niêm phong theo quy định: Chiếc xe ô tô này do bị cáo mang đến và tự nguyện giao nộp, không bị CQĐT thu giữ, nên không cần thiết phải niêm phong chiếc xe. Hơn nữa chiếc xe cũng đã được trả lại cho anh L, anh L không có bất kỳ khiếu nại gì liên quan đến chiếc xe.

Luật sư Q đối đáp: Về yếu tố cấu thành tội phạm: Bên đến có hành vi chửi bậy, nói to tiếng thì một người bị nợ mấy năm mới gặp được L thông qua nhiều tin nhắn, cuộc gặp thì về mặt cảm quan thì lời nói đó không phải là đe dọa. Trong toàn bộ không gian đó có chứng cứ điện tử, lời khai của các bị cáo khác đều thể hiện bị hại vẫn rất bình tĩnh điện thoại cho người khác vay tiền. Sau đó theo gợi ý của T1 thì viết giấy bán xe. L còn cam kết xe sử dụng hợp pháp. Việc không tổ chức đối chất thì cơ quan điều tra không làm rõ. Việc làm tê liệt tinh thần anh Linh trong trường hợp này là hoàn toàn không có. Về chuyển quyền sở hữu tài sản: Nếu không có việc mua bán thì quyền sở hữu tài sản là của bà L1. Cơ quan điều tra không làm rõ không có sự đồng ý của bà L1 thì ông L có quyền để lại tài sản để làm tin không? Không đảm bảo yếu tố về tài sản theo Điều 170 BLHS. Theo Biên bản tiếp nhận người phạm tội thì có 03 trang liên quan là tài liệu đánh giá một người phạm tội hay không phạm tội thì 02 trang đầu không có chữ ký của B. Về số tiền 20.000.000đ không khai báo thì ở buổi làm việc cuối cùng trước khi sát nhập thì ông B có trình bày, tại phiên tòa sơ thẩm Bên có trình bày có cung cấp hợp đồng để có số tiền 20.000.000đ đó thì không được xem xét. Việc tiếp nhận tang vật phải đảm bảo quy định của pháp luật, chỉ ghi không kiểm định, không niêm phong là không đảm bảo. Đề nghị hủy án.

Bị cáo nhất trí với lời bào chữa của luật sư.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp: Phía bị cáo B có lực lượng đông người, khi đến gặp anh L thì có lời nói to tiếng, đe dọa uy hiếp tinh thần anh Linh, với sự không tương quan về lực lượng như vậy đã khiến anh L lo sợ, buộc phải viết giấy bán xe cho bị cáo. Đối với số tiền 20.000.000đ trong cốp xe ô tô: Tại biên bản tiếp nhận người phạm tội đến đầu thú thì chỉ ghi nhận B giao nộp 01 chiếc điện thoại di động và 01 chiếc xe ô tô Hyundai Accent màu trắng, BKS: 19A-388.06 đã qua sử dụng, không giao nộp gì khác; ngoài ra trong các lời khai của bị cáo cũng không khai báo về số tiền này, nên không có cơ sở để xác định có số tiền 20 triệu đồng để trong xe ô tô trên. Về biên bản tiếp nhận người đầu thú bị cáo chỉ ký trang 3 là do sơ suất của Điều tra viên, tuy nhiên không ảnh hưởng đến bản chất của sự việc, hơn nữa tài liệu này không hoàn toàn là căn cứ duy nhất buộc tội bị cáo. Do đó, không có căn cứ để hủy bản án sơ thẩm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo mong HĐXX đảm bảo tính khách quan và thượng tôn pháp luật, đảm bảo tính minh bạch của vụ án

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo Lương Văn B nộp theo đúng các quy định của pháp luật, là hợp pháp, nên được chấp nhận để xem xét.

[2] Về hành vi của bị cáo Lương Văn B:

Các bị cáo Lục Viết T1, Phạm Văn D1, Đặng Lai Q1 đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo Lương Văn B tại các bản tự khai, biên bản ghi lời khai ban đầu, bị cáo khai nhận thành khẩn và ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, nhưng sau đó bị cáo thay đổi lời khai, không thừa nhận hành vi phạm tội. Bị cáo và luật sư bào chữa cho bị cáo khẳng định bản chất của vụ việc là tranh chấp nợ dân sự phát sinh từ hợp đồng kinh tế; việc anh L viết giấy cam kết và giấy bán xe là hoàn toàn tự nguyện, không phải do bị cáo đe dọa. Xét thấy: theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án (trong đó có lời khai nhận ban đầu của bị cáo B) và lời khai của các bị cáo T1, D1, Q1 tại phiên tòa đều xác nhận: Anh Linh phải viết bản cam kết **nhận nợ** và để lại xe để làm tin theo yêu cầu của T1, B; phải viết giấy bán xe theo yêu cầu của B; anh L do sợ 04 bị cáo đánh nên mới phải viết bản cam kết và giấy bán xe, bản thân anh L không tự đề xuất và không tự viết.

Tại các bút lục từ 414-419, 424-426, 427-429 có nội dung bị cáo B trình bày: *“Mục đích của các bị cáo ngày 28/4/2024 khi gặp anh L ở quán cà phê là đòi bằng được tiền của anh L. Do đó hôm đó 04 bị cáo đều yêu cầu anh L phải viết giấy nhận nợ và phải để lại tài sản là xe ô tô BKS 19A-388.06 để làm tin, khi nào trả nợ cho các bị cáo xong thì các bị cáo trả lại xe ô tô”*. Quá trình nói chuyện, B trình bày Bên có nói với anh L: *“Tôi liên hệ ông không nghe, bảo ông về làm việc ông không về, phải nhờ người gọi ông về. Giờ để ông đi về không để lại tài sản thì không được”*, B cũng thừa nhận: *“Do bị 04 bị cáo ép nên anh Linh đã viết biên bản cam kết và giấy bán xe ô tô, trong đó T1 là người đầu tiên đề nghị anh L viết giấy cam kết, bị cáo là người yêu cầu anh L viết giấy bán xe. Bị cáo là người gọi anh T3 đến nhờ định giá xe ô tô, các bị cáo yêu cầu anh L đến salon ô tô của anh T3 để viết giấy bán xe, đến salon ô tô của anh T3 bị cáo là người lấy giấy bán xe theo mẫu đưa cho anh L viết, sau đó anh L ký vào bên bán, B ký vào bên mua. Bị cáo nhận thức hành vi của bị cáo là sai, vi phạm pháp luật, xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi của mình”*. Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo B khẳng định đây là lời khai của bị cáo, bị cáo đã khai báo hoàn toàn tự nguyện và khai đúng diễn biến, hành vi sự việc. Đồng thời, bị cáo cũng xác định lời khai của anh L về nội dung cuộc nói chuyện khi B và anh L gặp nhau là đúng, cụ thể: Bên có nói *“Giờ thế nào, tóm lại là giờ thích thế nào, tao hỏi mày thích thế nào thôi, tao hỏi đúng câu thôi”*. Bị cáo T1 thấy vậy có can ngăn và nói *“thôi có gì bình tĩnh”*. Anh L2 cũng nói với B *“anh em làm việc đàng hoàng, không làm việc được thì đừng có thế chứ”* thì B tiếp tục nói *“Tóm lại mày thích thế nào, không nói nhiều, thích tao*

cho mày làm luôn. Tao bảo mày thế nào, mà mày như thế nào”. Đồng thời lúc này B có điện thoại gọi đến, anh L2 nghe thấy B nói với người ở đầu dây bên kia “Cháu đang ở chung cư sinh viên rồi nhé...đây nó ngồi đây rồi, cháu ngồi đây rồi, để xem hôm nay để xem nó bảo đúng cái gì để cho nó làm cái đấy, cháu đang đây rồi”. Anh L2 nói với B “Đây anh em làm việc nó đang hoang, hàng hoá máy móc chuyển về đầy đủ”, B tiếp tục nói “Bây giờ tóm lại hàng hoá tao vẫn nguyên mẹ mày tao chưa dùng gì cả. Hôm nay tao đấu với mày luôn để xem mày gọi ai thì mày gọi, nay gọi ai thì gọi luôn đi cũng được”. Anh L2 nói “Không phải gọi ai cả, cứ làm việc đi đã”, B nói “Mẹ mày mang cái máy cũ về cho tao xong bây giờ mày quay lại làm trò với tao à. Chúng mày kết hợp chúng mày đi lừa, lừa đâu thì được chứ lừa ở cái Bắc Giang này hơi nhảm. Địt mẹ mày loanh quanh chứ tao một nhà sơn”. Anh L2 nói “Thực tế mà không làm được chứ có phải không cấp hàng ở đấy đâu. Máy thì đang ở đấy bán láo cũng được bảy tám triệu”, B tiếp tục nói “tao đéo phải bán láo cái gì cả, tao xác định bán sắt vụn, nói thế cho nhanh”. Căn cứ nội dung cuộc đối thoại giữa bị cáo B và anh L2, xét về tương quan lực lượng giữa anh L2 và nhóm bị cáo, có căn cứ xác định anh L2 sợ bị nhóm 04 bị cáo B, T1, D1, Q1 đánh hoặc đe dọa hoặc bị uy hiếp tinh thần dẫn đến phải thực hiện theo yêu cầu của các bị cáo. Hành vi của B và các bị cáo khác đã thỏa mãn mặt khách quan của tội Cường đoạt tài sản.

Lương Văn B, Lục Viết T1, Đặng Lai Q1, Phạm Văn D1 đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang, lo sợ cho bị hại, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội.

Do đó, hành vi của bị cáo Lương Văn B và các bị cáo khác đã thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội Cường đoạt tài sản. Bởi các lẽ trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Lương Văn B về tội “Cường đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 170 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Luật sư bào chữa cho bị cáo B cho rằng có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm đối với Nguyễn Văn L, bỏ lọt hành vi của ông Hà Trọng H2; Điều tra viên lập không người chứng kiến Trần Minh C; số tiền 20.000.000đ của bị cáo B bị thất lạc khi công an quản lý vật chứng là không có cơ sở, bởi lẽ:

+ Thứ nhất, Đối với ý kiến của Luật sư cho rằng bỏ lọt hành vi của L, tuy nhiên hành vi này bị cáo đã có đơn gửi cơ quan điều tra để xem xét, giải quyết bằng vụ án khác. Do vậy, HĐXX không xem xét trong vụ án này. Đối với ý kiến của luật sư cho rằng bỏ lọt hành vi của ông Hà Trọng H2, HĐXX thấy không có căn cứ để xử lý như ý kiến đối đáp của Viện kiểm sát.

+ Thứ hai, tại Bản án số 224/2024/HS-ST ngày 05/11/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang đã xét xử đối với Trần Minh C về hành vi “Trộm cắp tài

sản”. Theo nội dung bản án thì ngày 22/8/2024 Trần Minh C đầu thú về hành vi trộm cắp tài sản và bị tạm giữ. Trần Minh C sinh năm 2004, đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã N, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh, thời điểm ra đầu thú, C cư trú tại số nhà C, ngõ A đường L, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Do vậy, xác nhận người chứng kiến Trần Minh C là có thật; thời điểm ký vào biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, C là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã ký vào từng trang văn bản và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi chứng kiến, ký chứng kiến của mình.

+ Thứ ba, Căn cứ biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú lập ngày 22/8/2024, bị cáo B khai “*bị cáo giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 (một) điện thoại Iphone 12 Pro Max, màu xanh, đã qua sử dụng và 01 (một) chiếc xe ô tô Hyundai Accent, màu trắng, BKS 19A-388.06, đã qua sử dụng*”; tại biên bản hỏi cung Lương Văn Bền ngày 26/8/2025 tại bút lục số 463-465 có trong hồ sơ vụ án (có sự tham gia của người bào chữa ông Phạm Tiến Q) bị cáo B trình bày “*bị B2 đang bị Cơ quan điều tra tạm giữ 01(một) chiếc điện thoại di động và 01 (một) xe ô tô mà anh L đặt làm tin, ngoài ra không bị tạm giữ gì khác*”. Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và trước khi vụ án được đưa ra xét xử ngày 04/12/2025 bị cáo B không có ý kiến gì trình bày về nội dung này. Do đó, lời khai của bị cáo B tại phiên tòa trình bày trong xe ô tô khi bị cáo giao nộp cho Cơ quan điều tra có số tiền 20.000.000 đồng là không có căn cứ.

[4] Xét vị trí, vai trò của bị cáo Lương Văn B trong vụ án:

Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ từ trước hay câu kết chặt chẽ; các bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý và thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Trong đó: Bị cáo Bền giữ vai trò chính vì đã có lời nói đe dọa, uy hiếp tinh thần, ép buộc anh L phải nhận nợ, trả tiền, để lại xe để làm tin và viết giấy bán xe, bị cáo cũng là người trực tiếp chiếm giữ chiếc xe của anh L.

[5] Xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Lương Văn B:

Bị cáo Lương Văn B có nhân thân xấu, ngày 10/11/2011 bị Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang xử phạt 04 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Đánh bạc”, đã được xóa án tích; ngày 24/11/2021 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xử phạt 07 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 14 tháng về tội “Đánh bạc”, đã được xóa án tích.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử ở cấp sơ thẩm bị cáo không nhận tội. Tuy nhiên tại cấp phúc thẩm bị cáo thừa nhận có hành vi như bản án sơ thẩm đã mô tả nhưng bị cáo cho rằng đó không phải là tội

phạm. Xét thấy đây là do nhận thức pháp luật của bị cáo chưa đầy đủ nên cần áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngoài ra bị cáo đầu thú, tự nguyện giao nộp lại chiếc xe ô tô nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

[6] Về hình phạt đối với bị cáo Lương Văn B:

Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, do đó cần có hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội. Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét đến nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo là do bị hại không trả tiền cho bị cáo; nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo để quyết định mức hình phạt tương xứng.

[7] Về hình phạt bổ sung: **Xét thấy bị cáo không có thu nhập ổn định, đang nuôi con nhỏ và bị xử phạt tù giam, khó có điều kiện thi hành hình phạt bổ sung, nên** Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, tuy nhiên cần sửa án sơ thẩm về điều luật áp dụng và hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Lương Văn B phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[9] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Lương Văn B.

2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 258/2025/HSST ngày 08/12/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - tỉnh Bắc Ninh về phần điều luật áp dụng và hình phạt.

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Lương Văn B** 06 (sáu) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án nhưng được trừ đi thời hạn đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/8/2024 đến ngày 19/3/2025. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

3. Án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 12, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Lương Văn B phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- **CQĐT Công an tỉnh Bắc Ninh;**
- VKSND, TAND khu **vực 1** - Bắc Ninh;
- THAHS Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng THADS khu vực 1 - Bắc Ninh;
- Bị cáo;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ngọc Chung